TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 526/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;

2. Bà Nguyễn Thị Quý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 862/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

3. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Ánh N, sinh năm: 1991 – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: 676/10 đường T, khu phố G, phường E, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm: 1986 – (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ tạm trú: 676/10 đường T, khu phố D, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nguyên đơn bà Dương Thị Ánh N trình bày: Bà N và ông Trần Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ: 676/10 đường Tỉnh lộ 43, khu phố 3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông T không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ông T không lo làm ăn, tụ tập ăn nhậu suốt

ngày, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình mà thường xuyên đi sớm về khuya, sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nhiều ngày không nói chuyện cùng nhau, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Trần Minh T để ổn định cuộc sống. Giữa bà N và ông Trần Minh T có 02 người con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 09/10/2009 và Trần Ngọc Thu H, sinh ngày 01/8/2011, bà Dương Thị Ánh N yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(2) Đối với bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa hôm nay: Ông Trần Minh T tiếp tục vắng mà không có lý do. Nguyên đơn bà Dương Thị Ánh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Minh T đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên chấp nhận. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Dương Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Minh T là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Minh T có đăng ký cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Dương Thị Ánh N có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 128, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 29/9/2008 có cơ sở xác định giữa bà Dương Thị Ánh N và ông Trần Minh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào văn bản số 31/LĐTB ngày 09/01/2019 của

Phòng lao động thương binh và Xã hội quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phúc đáp xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình, căn cứ vào sự thừa nhận cũng như không phản đối giữa các bên đương sự. Có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính giữa hai bên là do ông T thường xuyên tụ tập ăn nhậu, lười lao động, không lo làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình và có xu hướng bạo hành gia đình. Nội dung văn bản trả lời của cơ quan chức năng phù hợp với lời khai của nguyên đơn về nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa bà N và ông Trần Minh T. Toàn bộ lời khai của bà N cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công khai trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cư, đã được thông báo cho ông Trần Minh T, thế nhưng ông T không có ý kiến phản hồi cũng không phản đối. Xét thấy, đây là trường hợp vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T đã bỏ ra ngoài sống riêng, chủ động sống ly thân, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Tình trạng hôn nhân giữa bà Dương Thị Ánh N và ông Trần Minh T thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các giấy khai sinh số 278 quyển số 03 ngày 22/10/2009 và giấy khai sinh số 196/2011 quyển số 01/2011 ngày 20/3/2013 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức. Có sơ sở xác định bà Dương Thị Ánh N và ông Trần Minh T có 02 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 09/10/2009 và Trần Ngọc Thu H, sinh ngày 01/8/2011. Xét thấy, yêu cầu của bà N được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn là phù hợp với nguyên vọng của các con và phù hợp với tình trạng thực tế được xác nhận tại văn bản số 31/LĐTB ngày 09/01/2019 của Phòng lao động thương binh và Xã hội quận Thủ Đức, xác định hiện tại hai con do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do vậy yêu cầu nuôi con của bà N có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Dương Thị Ánh N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Dương Thị Ánh N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Dương Thị Ánh N được ly hôn với ông Trần Minh T.

- *Về con chung*: Giao hai con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 09/10/2009 và Trần Ngọc Thu H, sinh ngày 01/8/2011 cho bà Dương Thị Ánh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án để thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Thị Ánh N về việc không yêu cầu ông Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Dương Thị Ánh N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc bà Dương Thị Ánh N phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0022331 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Dương Thị Ánh N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Ánh N và ông Trần Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký tên và đóng dâu

Cao Văn Thiên